

Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia mạng sản xuất toàn cầu của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam

TRẦN THỊ THU TRANG*

Tóm tắt

Bài viết phân tích thực nghiệm đối với 202 doanh nghiệp dệt may (DNĐM) Việt Nam về các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia của các DNĐM Việt Nam vào mạng sản xuất toàn cầu. Nghiên cứu tiến hành kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), hồi quy nhị phân, kết quả cho thấy, 3 nhân tố là: Vốn nước ngoài; Hiệp định thương mại và Quản lý nhà nước có ảnh hưởng lớn đến khả năng tham gia của DNĐM Việt Nam vào mạng sản xuất toàn cầu.

Từ khóa: nhân tố ảnh hưởng, doanh nghiệp dệt may, khả năng tham gia, mạng sản xuất toàn cầu, GPN

Summary

The article focuses on empirical analysis of 202 Vietnamese textile and garment enterprises to identify the factors affecting the ability of Vietnamese textile and garment enterprises to participate in the global production network. The study conducted Cronbach's Alpha test, exploratory factor analysis (EFA), and binary regression, and the results showed that the 3 factors including: Foreign capital; Trade agreements and State management have a great impact on the ability of Vietnamese textile and garment enterprises to participate in the global production network.

Keywords: influencing factors, textile enterprises, ability to participate, global production network, GPN

GIỚI THIỆU

Kim ngạch xuất khẩu của dệt may Việt Nam trong những năm vừa qua có sự phát triển nhanh và đạt được những thành tựu ấn tượng, nhưng thực tế là 70% giá trị xuất khẩu ngành dệt may Việt Nam đến từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Các doanh nghiệp trong nước chỉ tham gia đóng góp 30% vào tổng kim ngạch xuất khẩu (Invest Vietnam, 2022). Điều này cho thấy, các DNĐM trong nước chưa thực sự tham gia vào mạng sản xuất toàn cầu của ngành, hoặc mới chỉ tham gia khiêm tốn ở công đoạn may mặc trong chuỗi dệt may. Việc tăng cường khả năng tham gia vào mạng sản xuất toàn cầu của ngành dệt may để giúp các DNĐM Việt Nam có thể sản xuất được những loại hàng hóa kết tinh nhiều chất xám công nghệ, có giá trị xuất khẩu cao và gia tăng xuất khẩu của ngành trở nên vô cùng cấp thiết. Theo đó, việc xác định và lượng hóa các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu của các DNĐM Việt Nam là một vấn đề quan trọng mang tính thực tiễn.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Mạng sản xuất toàn cầu (GPN) là nơi mối quan hệ của các chức năng, hoạt động và giao dịch được kết nối với nhau, thông qua đó một sản phẩm hoặc dịch vụ cụ thể được sản xuất, phân phối và tiêu thụ. Như vậy, một sản phẩm dệt may có thể là kết quả tại nhiều quốc gia khác nhau - một chiếc áo sơ mi có thể là sản phẩm được thiết kế từ Pháp, nguyên vật liệu từ Trung Quốc, may tại Việt Nam, phân phối tại Hồng Kông và tiêu dùng tại Mỹ - giá trị được tạo ra trong từng công đoạn khác nhau là khác nhau.

Trong thực tế, đã có những nghiên cứu (nhưng số lượng không nhiều) ở cấp độ doanh nghiệp được thực hiện ở một nhóm quốc gia hoặc một quốc gia cụ thể

*ThS, NCS., Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận bài: 23/8/2023; Ngày phản biện: 10/9/2023; Ngày duyệt đăng: 19/9/2023

về các mô hình và nhân tố ảnh hưởng đến tham gia vào mạng sản xuất toàn cầu. Theo đó, có 2 luồng nghiên cứu chính: (i) Các yếu tố bên trong (năng suất lao động, quy mô doanh nghiệp, sở hữu nước ngoài, năng lực công nghệ) và bên ngoài (mở cửa thương mại và thu hút dòng vốn FDI, cơ sở hạ tầng, logistics, chính sách của chính phủ) của DNNDM có tác động đến khả năng tham gia vào mạng sản xuất toàn cầu (Urata và Baek, 2021; World Bank, 2016); (ii) Các yếu tố bên trong của DNNDM có ảnh hưởng đến khả năng tham gia vào mạng sản xuất toàn cầu (Wignaraja, 2013). Trong đó, nghiên cứu của Harvie và cộng sự (2010) chỉ ra rằng, một công ty tham gia vào mạng sản xuất toàn cầu nếu công ty đó thỏa mãn 2 điều kiện: (1) Công ty cung cấp cho bất kỳ khâu nào trong chuỗi cung ứng và (2) Công ty nhập khẩu đầu vào hoặc xuất khẩu đầu ra. Trong khi đó Wignaraja (2013) lại cho rằng, doanh nghiệp chỉ cần thực hiện bất kể hoạt động nào của mạng sản xuất (có thể là xuất khẩu trực tiếp hay xuất khẩu gián tiếp) là đã tham gia vào mạng sản xuất toàn cầu. Tuy nhiên, với cả 2 cách tiếp cận này, kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, năng suất lao động, tỷ lệ sở hữu nước ngoài, năng lực tiếp cận tài chính, năng lực công nghệ, nỗ lực đổi mới là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự tham gia của DNNDM vừa và nhỏ vào mạng sản xuất toàn cầu. Đồng thời, các nghiên cứu cũng cho thấy, số năm hoạt động của DNNDM trong ngành không phải là yếu tố có ảnh hưởng đến sự tham gia của các DNNDM vào mạng sản xuất toàn cầu (Wignaraja, 2013).

Mô hình nghiên cứu

Kế thừa kết quả từ các nghiên cứu trước đó, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình với phương thức tiếp cận các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia mạng sản xuất toàn cầu của các DNNDM Việt Nam theo trình tự tác động của cả yếu tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

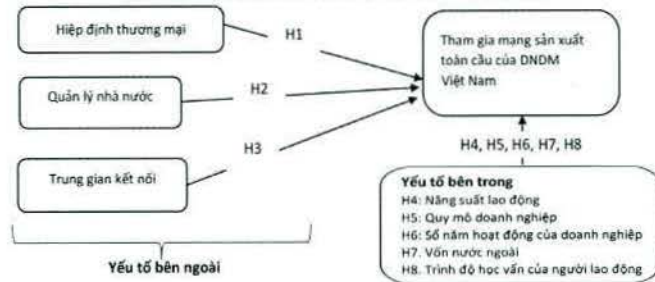
Khả năng tham gia của các DNNDM Việt Nam vào mạng sản xuất toàn cầu là xác suất tham gia của DNNDM Việt Nam vào mạng sản xuất toàn cầu, được thể hiện bằng hàm số: $P(Y=1)$.

Khi đó, quan hệ giữa $P(Y=1)$ và các yếu tố ảnh hưởng sẽ được biểu diễn bằng phương trình: $P(Y=1) = 1/[1+e^{-(BX)}]$.

Hoặc:

$$P_1 = E(Y = 1/X) = \frac{e^{(B_0 + B_1X_1 + B_2X_2 + \dots + B_kX_k)}}{1 + e^{(B_0 + B_1X_1 + B_2X_2 + \dots + B_kX_k)}}$$

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Đề xuất của tác giả

Trong đó: B_0, B_1, \dots, B_k là hệ số hồi quy; X_0, X_1, \dots, X_k là biến độc lập

Các giả thuyết nghiên được đề xuất như sau:

H1: Hiệp định thương mại có sự tương quan cùng chiều với khả năng tham gia mạng sản xuất dệt may toàn cầu của các DNNDM Việt Nam (+).

H2: Quản lý Nhà nước có sự tương quan cùng chiều với khả năng tham gia mạng sản xuất dệt may toàn cầu của các DNNDM Việt Nam (+).

H3: Trung gian kết nối có sự tương quan cùng chiều với khả năng tham gia mạng sản xuất dệt may toàn cầu của các DNNDM Việt Nam (+).

H4: Năng suất lao động có sự tương quan cùng chiều với khả năng tham gia mạng sản xuất dệt may toàn cầu của các DNNDM Việt Nam (+).

H5: Quy mô doanh nghiệp có sự tương quan cùng chiều với khả năng tham gia mạng sản xuất dệt may toàn cầu của các DNNDM Việt Nam (+).

H6: Số năm hoạt động có sự tương quan cùng chiều với khả năng tham gia mạng sản xuất dệt may toàn cầu của các DNNDM Việt Nam (+).

H7: Vốn nước ngoài có sự tương quan cùng chiều với khả năng tham gia mạng sản xuất dệt may toàn cầu của các DNNDM Việt Nam (+).

H8: Trình độ học vấn của người lao động có sự tương quan cùng chiều với khả năng tham gia mạng sản xuất dệt may toàn cầu của các DNNDM Việt Nam (+).

Phương pháp nghiên cứu

Để có dữ liệu phân tích, tác giả thực hiện khảo sát 202 DNNDM Việt Nam trên địa bàn cả nước theo phương thức lấy mẫu thuận tiện trong thời gian từ ngày 20/3/2023 đến 20/5/2023. Số phiếu thu về là 214 phiếu trả lời, trong đó có 12 phiếu trả lời không hợp lệ, kết quả sau khi làm sạch còn 202 phiếu hợp lệ được đưa vào phân tích. Dữ liệu được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Kiểm định hệ số hồi quy cho thấy, phần lớn các biến độc lập đều có tương quan với biến phụ thuộc (giá trị Sig. < 5%), ngoại trừ biến độc lập TG và SNHD (Bảng 1).

Từ kết quả hồi quy ở Bảng 1, phương trình hồi quy cho mô hình nghiên cứu được biểu diễn như sau:

$$\ln\left[\frac{p}{1-p}\right] = -5,439 + 1,132*HD + 1,106*QL + 0,001*NSLD + 0,001*QMDN + 1,395*VNN + 0,012*TDDL + \varepsilon \text{ (sai số)}$$

BẢNG 1: HỆ SỐ HỒI QUY BIẾN ĐỘC LẬP

	B	S.E.	Wald	Df	Sig.	Exp(B)	
Bước 1 ^a	HD	1,132	,439	6,656	1	,010	3,101
	QL	1,106	,484	5,221	1	,022	3,022
	TG	-,707	,467	2,292	1	,130	,493
	NSLD	,001	,001	3,923	1	,048	1,001
	QMDN	,001	,000	8,192	1	,004	1,001
	SNHD	-,031	,032	,925	1	,336	,969
	VNN	1,395	,435	10,260	1	,001	4,033
	TDLD	,012	,006	4,377	1	,036	1,012
	Constant	-5,439	1,791	9,221	1	,002	,004

a. Các biến độc lập: HD, QL, TG, NSLD, QMDN, SNHD, VNN, TDLD.

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả

BẢNG 2: CÁC KHẢ NĂNG XẢY RA SỰ KIỆN (Y = 1)

STT	Trường hợp	Kết luận
1	$0 < P(Y=1) \leq 0,25$	Khả năng tham gia của doanh nghiệp thấp
2	$0,25 < P(Y=1) \leq 0,5$	Khả năng tham gia của doanh nghiệp trung bình thấp
3	$0,5 < P(Y=1) \leq 0,75$	Khả năng tham gia của doanh nghiệp trung bình cao
4	$0,75 < P(Y=1) < 1$	Khả năng tham gia của doanh nghiệp cao

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Từ phương trình hồi quy của kết quả nghiên cứu, có thể viết lại và tính toán hàm xác suất như sau:

Hàm xác suất:

$$P(Y=1) = \frac{e^{(-5,439+1,132 \cdot HD+1,106 \cdot QL+0,001 \cdot NSLD+0,001 \cdot QMDN+1,395 \cdot VNN+0,012 \cdot TDLD)}}{1+e^{(-5,439+1,132 \cdot HD+1,106 \cdot QL+0,001 \cdot NSLD+0,001 \cdot QMDN+1,395 \cdot VNN+0,012 \cdot TDLD)}}$$

Phương trình hồi quy nhị phân được xác định trên cơ sở ước lượng xác suất xảy ra sự kiện Y (probability) khi biết giá trị X. Biến phụ thuộc có 2 giá trị 0 và 1, trường hợp nếu giá trị là 0, thì không xảy ra sự kiện và nếu giá trị là 1, thì tất yếu xảy ra sự kiện. Vì vậy, các khả năng xảy ra sự kiện (Y=1) có thể được chia thành 4 nhóm như Bảng 2.

Bằng việc thay số giá trị X vào hàm xác suất, kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố: Hiệp định thương mại; Quản lý Nhà nước; Vốn nước ngoài là những nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến khả năng tham gia của các DNĐM Việt Nam vào mạng sản xuất toàn cầu. Điều này có nghĩa là doanh nghiệp có vốn nước ngoài càng lớn, thì khả năng tham gia vào mạng sản xuất toàn cầu càng cao. Doanh nghiệp được hưởng nhiều ưu đãi từ hiệp định thương mại và chính sách thuận lợi của Nhà nước, thì khả năng tham gia mạng sản xuất toàn cầu càng cao.

Với tổng cộng 8 biến độc lập chia thành 2 nhóm: 5 biến thuộc các yếu tố bên trong doanh nghiệp và 3 biến thuộc các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp, kết quả mô hình hồi quy nhị phân cho thấy, chỉ có một biến thuộc các yếu tố bên trong doanh nghiệp (Vốn nước ngoài) và 2/3 biến thuộc các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp (Hiệp định thương mại, Quản lý nhà nước) có ảnh hưởng tới khả năng Tham gia mạng sản xuất toàn cầu của các DNĐM Việt Nam với tỷ lệ dự đoán đúng của toàn bộ mô hình là 76,7%. Từ kết quả phân tích có thể đưa ra các nhận định sau:

Thứ nhất, Vốn nước ngoài của doanh nghiệp là nhân tố có sự tương quan đồng biến nhất đến khả năng

Tham gia mạng sản xuất toàn cầu của DNĐM Việt Nam với hệ số là 1,395. Kết quả này cho thấy, giả thuyết H7 là phù hợp. Nếu DNĐM Việt Nam có vốn nước ngoài, thì khả năng tham gia mạng sản xuất toàn cầu của họ sẽ cao hơn. Điều này cũng phù hợp với các nghiên cứu của Urata và Baek (2021), Wignaraja (2013). Theo thống kê mô tả, thì chỉ có hơn 30% các doanh nghiệp may mặc hiện nay có vốn nước ngoài, do đa phần các doanh nghiệp này là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Chính vì vậy, khả năng tham gia của các DNĐM Việt Nam vào mạng sản xuất toàn cầu hiện nay còn thấp.

Thứ hai, Hiệp định thương mại là nhân tố có sự tương quan lớn và cùng chiều đến khả năng Tham gia mạng sản xuất toàn cầu của DNĐM Việt Nam với hệ số là 1,132. Giá trị trung bình của các biến quan sát trong thang đo Hiệp định thương mại đều đạt mức khá cao (từ 3,29 đến 3,38). Điều này chứng tỏ các DNĐM Việt Nam đều thấy được mối quan hệ rõ rệt của Hiệp định thương mại đối với khả năng Tham gia mạng sản xuất toàn cầu của mình. Kết quả này cho thấy, giả thuyết H1 là phù hợp. Khi Việt Nam ký kết nhiều hiệp định thương mại hơn, thì khả năng tham gia mạng sản xuất toàn cầu của các DNĐM cũng cao hơn.

Thứ ba, Quản lý nhà nước là nhân tố bên ngoài doanh nghiệp cũng có sự tương quan cùng chiều đến khả năng Tham gia mạng sản xuất toàn cầu của các DNĐM Việt Nam. Kết quả này cho thấy, giả thuyết H2 là phù hợp. Với hệ số là 1,106 giả thuyết H2 cho thấy, khi Nhà nước thay đổi cơ chế, chính sách và cách thức thực thi chính sách tích cực, thì sẽ mang lại nhiều cơ hội cho các DNĐM Việt Nam trở thành một thành phần của mạng sản xuất toàn cầu. Đồng thời, với mức giá trị trung bình của các biến quan sát trong thang đo Quản lý nhà nước nằm ở mức xoay quanh 3,29 cho thấy, đa số các DNĐM đánh giá sự hỗ trợ của Nhà nước đối với họ hiện nay là trên mức trung bình, nhưng chưa được như kỳ vọng của các doanh nghiệp.

Thứ tư, kết quả nghiên cứu định lượng cho thấy, Năng suất lao động có sự tương quan cùng chiều đến khả năng Tham gia mạng sản xuất toàn cầu của các DNĐM Việt Nam. Kết quả này cho thấy, giả thuyết H4 là phù hợp. Tuy nhiên, hệ số của năng suất lao động là rất nhỏ, không có ý nghĩa về mặt thống kê

và năng suất lao động gần như không có ảnh hưởng đến khả năng tham gia mạng sản xuất toàn cầu của các DNĐM Việt Nam. Nhưng xét trong mối quan hệ nhân quả, Năng suất lao động cao có thể đạt được bằng cách DNĐM Việt Nam tham gia vào mạng sản xuất toàn cầu.

Thứ năm, Quy mô doanh nghiệp có sự tương quan cùng chiều đến khả năng Tham gia mạng sản xuất toàn cầu của các DNĐM Việt Nam cho thấy, giả thuyết H5 là phù hợp. Nhưng hệ số của biến độc lập này Quy mô doanh nghiệp rất nhỏ cho thấy, sự ảnh hưởng của Quy mô doanh nghiệp đến khả năng tham gia mạng sản xuất toàn cầu của các DNĐM Việt Nam không lớn. Trong thực tế, đa số các DNĐM Việt Nam là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, họ chỉ khai thác được năng lực cạnh tranh nhờ Quy mô doanh nghiệp, khi và chỉ khi thiết lập thành công hoạt động doanh nghiệp trong mạng lưới sản xuất. Do đó, các DNĐM Việt Nam chưa thực sự khai thác hiệu quả kinh tế theo quy mô ở giai đoạn chuẩn bị tham gia mạng sản xuất, điều này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Harvie và cộng sự (2010). Kết quả này nhất quán với quan điểm rằng, cuộc đấu tranh cạnh tranh giữa các doanh nghiệp bên trong mạng lưới sản xuất diễn ra khốc liệt hơn hoặc gay gắt hơn so với bên ngoài mạng lưới sản xuất.

Thứ sáu, kết quả nghiên cứu cho thấy, Trình độ học vấn của người lao động trong DNĐM Việt Nam có sự tương quan cùng chiều đến khả năng Tham gia mạng sản xuất toàn cầu của các doanh nghiệp may mặc Việt Nam, giả thuyết H8 là phù hợp. Tuy hệ số của biến “Trình độ học vấn của người lao động” cao hơn biến “Năng suất lao động” và “Quy mô doanh nghiệp”,

nhưng giá trị trung bình của biến này cũng chỉ ở mức 34,3% và được cho là phù hợp với đánh giá thực tế của lao động Việt Nam nói chung trong các ngành sản xuất. Điều này cho thấy, trong ngành dệt may ở Việt Nam, các DNĐM còn sử dụng nhiều lao động phổ thông trong sản xuất, vì vậy tác động của yếu tố này đến khả năng Tham gia mạng sản xuất toàn cầu của các DNĐM Việt Nam còn khá thấp.

Thứ bảy, Số năm hoạt động của DNĐM có hệ số “âm”, tức là có sự tương quan ngược chiều đến khả năng Tham gia mạng sản xuất toàn cầu của các DNĐM Việt Nam. Điều này cho thấy, giả thuyết H6 là không phù hợp. Mặc dù hệ số của Số năm hoạt động của doanh nghiệp không có ý nghĩa về mặt thống kê, nhưng kết quả này cho thấy rằng, các doanh nghiệp trẻ hơn có khả năng nhanh nhạy hơn trong việc gia nhập thị trường mới, tiếp cận với công nghệ và linh hoạt hơn trong việc kết hợp yếu tố bên trong với yếu tố bên ngoài một cách hiệu quả. Những đặc điểm này đều cho đến kết quả rằng, doanh nghiệp trẻ có nhiều điều kiện thuận lợi tiệm cận tốt hơn với khả năng Tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu.

Thứ tám, nhân tố Trung gian kết nối mang hệ số “âm” và có ý nghĩa lớn về mặt thống kê cho thấy, giả thuyết H3 là không phù hợp. Điều này chỉ ra rằng, các trung gian chưa thực hiện hiệu quả vai trò kết nối các DNĐM Việt Nam với các đối tác, các nhà cung cấp nước ngoài để tăng khả năng Tham gia mạng sản xuất toàn cầu.

KẾT LUẬN

Các nhân tố gồm: Vốn nước ngoài, Hiệp định thương mại và Quản lý nhà nước có ảnh hưởng lớn đến khả năng tham gia của DNĐM Việt Nam vào mạng sản xuất toàn cầu với tỷ lệ dự báo chính xác của toàn thể mẫu là 76,7%. Đây là những nhân tố có ảnh hưởng lớn đến phát triển ngành dệt may Việt Nam, do vậy trong xây dựng, triển khai các chính sách phát triển ngành dệt may Việt Nam các cơ quan/tổ chức hữu quan cần có sự quan tâm và cân nhắc đến các giải pháp thúc đẩy sự tham gia của DNĐM Việt Nam vào mạng sản xuất toàn cầu. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Harvie, C., and Le, V. (2010), Firm performance in Vietnam: evidence from manufacturing small and medium enterprises, *University of Wollongong Economics*, 1-33.
2. Invest Vietnam (2022), *Tình hình đầu tư vào ngành dệt may của Việt Nam và dự báo*, truy cập từ <https://investvietnam.gov.vn/vi/-80.nd/tinh-hinh-dau-tu-vao-nganh-det-may-cua-viet-nam-va-du-bao.html>.
3. Urata, S., and Baek, Y. (2021), *The Determinants of Participation in Global Value Chains: A Cross-Country, Firm-Level Analysis*, Tokyo: Asian Development Bank Institute, Challenges, and Policy Recommendations, 25-86.
4. World Bank (2016), *Inclusive Global Value Chains Policy Options for Small and Medium Enterprises and Low-Income Countries*, Washington, DC.
5. Wignaraja, G. (2013), Can SMEs participate in global production networks?, *Global Value Chains in a Changing World*, 279-312, <https://doi.org/10.30875/d18b619c-en>.